UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Số: 420a/QĐ-ĐHHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của các ngành đào tạo Trình độ đại học, cao đẳng chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương ;Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 416a/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ đại học; cao đẳng chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo của 19 ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy. (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo của 19 ngành đào tạo, trình độ đại học, cao đẳng chính quy được áp đụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, Trưởng các đơn vị công tác và các cá nhân có liên quan trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Trường;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT, ĐT-HTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

TS. Nguyễn Văn Quyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số 420a /QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Bản mô tả chương trình đào tạo
A	**Trình độ đại học**
1	Kế toán
2	Kinh tế
3	Kỹ thuật Điện
4	Ngôn ngữ Anh
5	Quản trị kinh doanh
6	Quản trị văn phòng
7	Tài chính - Ngân hàng
8	Công nghệ thông tin
9	Marketing
10	Điện tử - Viễn thông
11	Sư phạm Ngữ văn
12	Sư phạm Toán
13	Sư phạm Khoa học Tự nhiên
14	Sư phạm Lịch sử
15	Sư phạm Tiếng Anh
16	Giáo dục Mầm non
17	Giáo dục Tiểu học
18	Giáo dục Thể chất
B	**Trình độ Cao đẳng**
19	Giáo dục Mầm non

(Ấn định danh sách gồm 19 ngành)

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
NĂM 2023

Hải Dương, năm 2023

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 420a/QĐ-ĐHHD ngày 28/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Bachelor of Business Administration training program
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Mã ngành đào tạo: 7340101
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: Từ 3,5 đến 4 năm

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị kinh doanh có đủ phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm với gia đình và xã hội, có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe tốt; Có năng lực tự học tập suốt đời; Nắm vững kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và nhân văn, kinh tế, quản lý; Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lãnh đạo, quản trị, điều hành và khởi sự kinh doanh theo các loại hình doanh nghiệp được luật pháp quy định trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị chức năng trong doanh nghiệp như Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị thương hiệu, Quản trị tài chính, Quản trị chiến lược, Quản trị nhân lực, Quản trị sản xuất, Quản trị chuỗi cung ứng v.v; Có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc khi tốt nghiệp; Có khả năng phát triển nghề nghiệp, tự học tập và tự nghiên cứu suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Mục tiêu về kiến thức

Có kiến thức thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và nhân văn, kinh tế, quản trị kinh doanh; Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị chức năng như marketing, thương hiệu, nhân lực, tài chính, dự án v.v..; Có khả năng phân tích ảnh hưởng và nhận diện cơ hội, thách thức từ môi trường, dự báo xu thế thị trường và đề xuất được giải pháp quản trị doanh

nghiệp; Có khả năng đề xuất và triển khai các công việc thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị tác nghiệp trong tổ chức kinh tế và doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa.

1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Có khả năng giao tiếp tốt trong xã hội và công tác. Có thể đọc hiểu cơ bản các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh; Có kỹ năng làm việc nhóm; Sử dụng máy tính thành thạo và biết ứng dụng internet và công nghệ vào thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn về quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp.

1.2.3. Mục tiêu về mức tự chủ và trách nhiệm

Có ý chí vượt khó, tinh thần tích cực; Có đủ năng lực làm việc độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc phụ trách; Có tư tưởng chính trị ổn định, có chứng kiến; Hiểu biết và chấp hành luật pháp và quy định của tổ chức; Có sức khỏe tốt.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh bậc đại học gồm 15 chuẩn đầu ra (PLO), được xây dựng theo quy định khung năng lực của Bộ giáo dục và Đào tạo và áp dụng thang bậc năng lực Bloom. Người học tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

- ***PLO1:*** Đạt chuẩn kiến thức đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với ngành Quản trị kinh doanh: Hiểu được những nguyên lý, quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên; Có đủ kiến thức về lý luận chính trị, nhận thức và hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng cộng sản Việt Nam, về Tư tưởng Hồ Chí Minh; Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn và vận dụng vào việc giải thích, phân tích các vấn đề kinh tế, quản trị và xã hội. Áp dụng kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh vào công tác rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập và làm việc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- ***PLO2:*** Hiểu được thế giới quan, phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lê nin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các học phần khác. Có phương pháp luận và khả năng nghiên cứu, tư duy logic, phân tích, giải quyết được những vấn đề mới trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh về cả lý luận và thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của Việt Nam và thế giới ngày nay.

2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO3: Có kiến thức cơ bản về nguyên lý kinh tế và quản trị kinh doanh gồm kinh tế học vi mô, vĩ mô, marketing căn bản, nguyên lý kế toán, quản trị kinh doanh, nguyên

lý thống kê v.v; Hiểu và vận dụng dụng các quy định pháp luật của nhà nước về doanh nghiệp, kinh doanh và marketing; Vận dụng các quy luật kinh tế, kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, để giải quyết những tình huống quản trị cụ thể.

2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- ***PLO4:*** Hiểu và áp dụng kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về quản trị kinh doanh: Quản trị chiến lược, Quản trị marketing, Quản trị nhân lực, Quản trị dự án đầu tư, Quản trị chất lượng, Quản trị thương hiệu, Quản trị bán hàng, Quản trị sản xuất, Khởi nghiệp v.v.

- ***PLO5:*** Làm chủ được kiến thức chuyên ngành; Vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức chuyên ngành đã học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn đời sống kinh tế; Phân tích, Đánh giá và đề xuất các giải pháp quản trị doanh nghiệp và quản trị các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp một cách hiệu quả.

- ***PLO6:*** Phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin các tình huống và môi trường kinh doanh để đưa ra cách giải quyết các công việc trong lĩnh vực chuyên ngành quản trị kinh doanh như phân tích môi trường kinh doanh, dự báo nhu cầu thị trường, xây dựng các chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing, chiến lược nhân sự, chiến lược tài chính, kế hoạch sản xuất v.v.

- ***PLO7:*** Đánh giá được thực trạng và những vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn áp dụng kiến thức quản trị kinh doanh, đồng thời có khả năng sử dụng sáng tạo các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường luôn thay đổi.

2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng hoạch định, tư vấn

PLO8: Có phương pháp và kỹ năng hoạch định điều hành, xây dựng, phối hợp đưa ra các quyết định để giải quyết, ứng biến các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản trị và vận hành doanh nghiệp; Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, thẩm định kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể trong công tác quản lý và hoạt động chuyên môn; Đề xuất các giải pháp để góp phần hoàn thiện chiến lược và chính sách kinh doanh, marketing trong tổ chức kinh tế và doanh nghiệp.v.v..

2.2.2. Kỹ năng lãnh đạo, điều hành tổ chức

PLO9: Có kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và điều hành doanh nghiệp, kỹ năng tổ chức hội họp; Truyền đạt, giới thiệu kiến thức mới về quản trị kinh doanh; Quản lý, tổ chức thực hiện chiến lược và kế hoạch kinh doanh; Chiến lược và kế hoạch sản suất, marketing, nhân sự, tài chính, thương hiệu.v.v..

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm và tạo dựng các mối quan hệ

PLO10: Đàm phán, diễn thuyết, ứng xử và giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động của lĩnh vực chuyên môn quản trị doanh nghiệp và trong cuộc sống. Xây dựng được các mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, đối tác, khách hàng, cổ đông, cơ quan công quyền và cộng đồng, quy tụ và điều phối đội nhóm.

2.2.4. Kỹ năng ngoại ngữ

PLO11: Đạt năng lực tiếng Anh chuẩn đầu ra theo quy định để giao tiếp, đọc hiểu các văn bản thông thường, tài liệu chuyên môn về kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

2.2.5.. Kỹ năng tin học văn phòng và công nghệ thông tin

PLO12: Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng. Hiểu và biết ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm vào trong công việc quản trị doanh nghiệp, kinh doanh, marketing, bán hàng và giao tiếp điện tử. Đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định.

2.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Cầu thị, ham học hỏi, vượt khó vươn lên trong học tập và công tác; Phấn đấu trở thành chuyên gia, nhà quản trị giỏi và chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị theo chức năng; Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa - xã hội; Thực hiện tốt trách nhiệm công dân và có quan hệ cộng đồng tốt;

PLO14: Tự định hướng, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức mới về quản trị kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; Có đủ năng lực làm việc độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc phụ trách; Có khả năng tự học tập và nghiên cứu suốt đời, có tinh thần cầu tiến phát triển nghề nghiệp.

PLO15: Có phẩm chất đạo đức của nhà quản trị, tác phong chuyên nghiệp, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm; chấp hành đường lối, chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, quy định tại nơi làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác; Có sức khỏe tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng.

Ghi chú:

Trình độ năng lực đánh giá theo thang năng lực Bloom, cụ thể:

1- Chuẩn Kiến thức (1-6): *1- Ghi nhớ; 2- Hiểu; 3- Áp dụng; 4- Phân tích; 5- Đánh giá; 6- Sáng tạo*

2 - Chuẩn Kỹ năng (1-5): *1- Bắt chước; 2- Làm được; 3- Chính xác; 4- Phối hợp; 5-Thuần thục.*

3 - Chuẩn mức tự chủ và trách nhiệm (1-5): *1- Tiếp nhận; 2- Đáp ứng; 3- Đánh giá thảo luận; 4- Tổ chức thực hiện; 5- Đặc trưng hóa.*

3. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH/ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Đối tượng tuyển sinh của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ Đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

TT	Khối lượng kiến thức	Số TC	Ghi chú
I	**Kiến thức giáo dục đại cương (không tính GDTC và GDQP&AN**	**30**	
1	**Kiến thức chung**	**30**	
	Phần bắt buộc	*30*	
	Phần tự chọn	-	
2	**Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)**	**15**	
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**95**	
1	**Kiến thức cơ sở ngành**	**39**	
	Phần bắt buộc	29	
	Phần tự chọn	10	
2	**Kiến thức chuyên ngành**	**46**	
	Phần bắt buộc	*37*	
	Phần tự chọn	*9*	
3	**Thực tập tốt nghiệp**	**4**	
4	**Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế**	**6**	
	Tổng tín chỉ (I+II)	**125**	

- Tổng số tín chỉ không bao gồm kiến thức GDQPAN&GDTC: 125 tín chỉ

- Quy định về ký hiệu mã học phần/môn học trong các chương trình đào tạo: Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định.

5. MA TRẬN KỸ NĂNG

5.1. Ma trận chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo (*Phụ lục 01*)

5.2. Ma trận quan hệ giữa học phần, khối kiến thức và chuẩn đầu ra (*Phụ lục 02*)

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình dào tạo

Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào 4 năm. Thời gian tối thiểu để hoàn thành khóa học là 3,5 năm, thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 8 năm. Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kì. Chương trình đào tạo được thiết kế với tổng 8 học kỳ, trong đó 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp tại cơ sở thực tế, cuối khóa sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học Học phần thay thế. Một năm học có hai học kì chính và có thể có một học kì phụ.

Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường. Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo các bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1: Xây dựng kế hoạch toàn khóa

Bước 2: Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ Phòng Đào tạo và hợp tác quốc tế xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;
- Bộ môn/khoa phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Đào tạo và hợp tác quốc tế sau khi có ý kiến của Trưởng khoa;
- Phòng Đào tạo và hợp tác quốc tế đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang https://uhd.edu.vn để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;
- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;
- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;
- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần, lưu trữ thời khóa biểu chính thức tại Phòng Đào tạo và hợp tác quốc tế;
- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu).
- Xây dựng lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Bước 3: Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh bảo kết quả học tập, buộc thôi học, thôi học, tạm ngừng học,...

Bước 4: Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên;

Bước 5: Cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Phương pháp giảng dạy - học

6.2.1. Phương pháp giảng dạy

(1) Phương pháp thuyết trình, giảng giải;

(2) Phương pháp dạy học chủ động (Active teaching) là một phương pháp giảng dạy ưu tiên sự chủ động, tích cực và sáng tạo của người học. Ở phương pháp này người học được khuyến khích tự quản lý quá trình học tập của mình, tự tìm hiểu và khám phá kiến thức một cách độc lập. Thay vì truyền đạt thông tin một cách đơn thuần, giảng viên thúc đẩy sinh viên tìm hiểu thông qua nghiên cứu, thảo luận, và thực hành.

(3) Phương pháp dạy học theo nhóm: Tổ chức thành các nhóm nhỏ để người học tham gia tích cực trong quá trình học tập thông qua thảo luận, trao đổi ý kiến và giải quyết các vấn đề học tập, nhằm khuyến khích sự tương tác xã hội, phát triển kỹ năng làm việc nhóm và người học xây dựng kiến thức một cách chủ động hơn, giảng viên thường đóng vai trò của người hỗ trợ và hướng dẫn, chứ không phải là người truyền đạt kiến thức chính.

(4) Phương pháp đàm thoại: Phương pháp đàm thoại (dialogue method) là một phương pháp dạy học tập trung vào việc tạo môi trường thảo luận và trao đổi thông qua trò chuyện giữa giảng viên - người học hoặc giữa các người học với nhau, khuyến khích sự tương tác, trao đổi ý kiến và tạo ra sự chủ động trong quá trình học tập.

(5) Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề: Giảng viên thường sẽ đặt ra một vấn đề học tập hoặc tạo ra một tình huống có vấn đề, sau đó hướng dẫn người học chủ động tìm hiểu, nghiên cứu và giải quyết vấn đề đó. Thông thường dạy học giải quyết vấn đề sẽ yêu cầu người học làm việc trong nhóm, cùng nhau thảo luận, chia sẻ ý kiến, và hợp tác để giải quyết vấn đề. Qua đó, người học sẽ học hỏi được từ nhau nhiều kinh nghiệm mới mẻ, đa dạng.

(6) Phương pháp dạy học dự án: Đặt người học vào tình huống cụ thể trên thực tế và yêu cầu người học áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Từ đó kết nối kiến thức với thực tế và làm cho học viên thấy kiến thức mình tiếp thu được trở nên ý nghĩa hơn. Khi học theo dự án học viên phải tích hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết các vấn đề trong dự án. Điều này khuyến khích người học tìm sự liên quan giữa các học phần và phát triển kỹ năng kết nối kiến thức.

(7) Phương pháp đóng vai: Giảng viên tạo ra một tình huống giả tưởng, trong đó sinh viên đảm nhận các vai trò khác nhau. Mục tiêu của phương pháp này là tạo ra một môi trường trải nghiệm, giúp người học tiếp thu kiến thức được hiệu quả hơn thông qua việc trải nghiệm các tình huống thực tế hoặc giả tưởng. Trong quá trình đóng vai, người

học có cơ hội tương tác với nhau thông qua các vai diễn, từ đó phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử và khả năng làm việc trong nhóm.

(8) Phương pháp phát vấn, hỏi - đáp;

(9) Phương pháp bài tập tình huống, thảo luận nhóm, bài tập v.v.

6.2.2. Phương pháp học, tự học và tự nghiên cứu

a) Phương pháp học

(1) Học tập tích cực (Active Learning): Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội...

(2) Học tập theo câu hỏi (Inquyry-Based Learning): Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(3) Lớp học đảo ngược (flipped classroom): Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy.

(4) Người học ghi chép lại các ý chính khi nghe giảng và tham khảo thêm tài liệu để củng cố kiến thức.

(5) Làm việc cùng đội nhóm để chia sẻ ý tưởng, trao đổi quan điểm và giải đáp thắc mắc.

b) Phương pháp tự học và tự nghiên cứu

Tự học và tự nghiên cứu là năng lực cần thiết để người học phát triển tư duy độc lập và khả năng giải quyết vấn đề, cụ thể:

- Lập kế hoạch học tập cá nhân: Xác định mục tiêu học tập cụ thể và thời gian hoàn thành.
- Tìm kiếm và sử dụng nguồn tài liệu đa dạng: Đọc sách, báo, tạp chí chuyên ngành, và tài liệu trên các trang website học thuật đáng tin cậy.
- Sử dụng các buổi tự học nhóm ngoài lớp để cùng ôn tập và phân tích sâu hơn các nội dung học thuật và nội dung đã học trên lớp.
- Phát triển năng lực và tư duy tự nghiên cứu, tự học tập suốt đời.

6.3. Cách thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023, cụ thể:

Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A+	9,5 – 10	4.0
A	8.5 – 9,4	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

Điểm đánh giá học phần

Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần (là các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần). Số bài kiểm tra thường xuyên tương ứng với số tín chỉ của mỗi học phần

Số tín chỉ	Số bài kiểm tra (đánh giá thường xuyên)
Từ 1 đến 2 tín chỉ	1 bài
Từ 3 đến 5 tín chỉ	2 bài
Từ 6 tín chỉ trở lên	3 bài

Trung bình điểm kiểm tra thường xuyên chiếm trọng số 40%

Điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60%

Các điểm kiểm tra đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn số đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kì như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình (Bài kiểm tra thường xuyên)	40%

2. Đánh giá thi kết thúc học phần (Bài thi kết thúc học phần)	60%
3. Công thức tính điểm học phần Điểm HP = (Trung bình điểm KTTX x 4 + Điểm thi kết thúc HP x 6)/10	

Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong học kỳ, trong một năm học hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

- Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (trong đó bao gồm cả chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và công nghệ thông tin).

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

7. ĐỀ CƯƠNG CÁC MÔN HỌC/HỌC PHẦN *(Đính kèm Phụ lục quyển đề cương chi tiết các học phần)*

Đề cương chi tiết từng học phần do Bộ môn/Khoa thực hiện theo quy định và định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần tổ chức rà soát, chỉnh sửa, cập nhật theo hướng dẫn chung của Trường.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi chuyên ngành đào tạo được xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng nội dung chương trình đào tạo chi tiết phù hợp với sự phát triển của chuyên ngành và dựa trên cơ sở bản mô tả chương trình đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh.

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường đại học Hải Dương.

- Định kỳ, Trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. THỜI ĐIỂM CHỈNH SỬA BẢN MÔ TẢ CTĐT: Năm 2023